TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 /8/2025
Về vụ:Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Lê và bà Phan Thị Thúy Hằng.

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Đỗ Rum Ba – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ,ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: bà Dương Thị Thu S, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Qui H, phường Tuy H, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị đơn*: ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: thôn Phụng T, xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk

Bà S có mặt, ông D Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Dương Thị Thu S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị Thu S và ông Nguyễn Văn D tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa T, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (nay xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk). Sau đó chung sống hạnh phúc một thời gian đến tháng 7/2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông D không lo làm ăn chăm lo gia đình, gây ra nợ nần bắt bà S phải trả, xem thường vợ con, nhiều khi còn ghen tuôn vô cớ, dẫn đến cuộc sống chung không hòa thuận, tính tình không hợp giữa vợ chồng bất hòa, thường xuyên xảy ra kình cãi. Mâu thuẫn vợ chồng

được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải, can thiệp nhưng vẫn xảy ra. Bà S và ông D tự sống ly thân xa nhau từ tháng 12 năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà S không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với ông D được nữa; nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông D để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: bà Dương Thị Thu S khai có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Mai Ph, sinh ngày 29/6/2012 và Nguyễn Bình Ng, sinh ngày 02/11/2014. Hiện nay hai con đang ở với bà S, ông D. Nay ly hôn bà S mong muốn theo nguyện vọng của con. Nếu con muốn ở với ai thì người đó nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Dương Thị Thu S không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ngày 31/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: đúng là ông D và bà S kết hôn giống như lời trình bày của bà S, ông D thừa nhận trong quá trình chung sống ông có gây nợ mấy lần, hay ghen và giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn. Nay bà S xin ly hôn ông D không chấp nhận ly hôn vì còn thương vợ, muốn để cùng nhau nuôi dạy con cho tốt.

- Về con chung: ông D khai có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc Mai Ph, sinh ngày 29/6/2012 và Nguyễn Bình Ng, sinh ngày 02/11/2014. Nay nếu ly hôn ông D tôn trọng ý kiến của con, nếu con ở với ông D thì ông thống nhất nuôi và không yêu cầu bà S phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn D không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Nguyễn Văn D cư trú tại thôn Phụng T, xã Hòa T, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (nay thôn Phụng T, xã Phú H) nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết. Ông D đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà S và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hòa T, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên (nay UBND xã Phú H, tỉnh Đắk Lắk) vào số 24 ngày 16 tháng 9 năm 2011. Đây là hôn nhân hợp pháp; tuy nhiên trong quá trình chung sống, bà S và ông D xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do bà S và ông D không hợp nhau, không cùng quan điểm sống nên xảy ra kình cãi, dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra và kéo dài, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà xa nhau từ tháng 12/2024; nên bà S xin ly hôn. Đối với ông Nguyễn Văn D

đã được thông báo về việc bà S xin ly hôn, được triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần, nhưng ông D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Ông D chỉ trình bày không chấp nhận ly hôn và đưa ra lý do còn thương vợ con, nhưng trong thời gian hai bên xa nhau và thời gian bà Sơ nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, ông D không thăm hỏi vợ, con. Điều đó thể hiện ông D không có thiện chí để muốn hàn gắn tình cảm thực sự với bà S. Chỉ đưa ra lý do nhằm gây khó khăn trong việc xin ly hôn của bà S. Nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của bà S và ông D xảy ra, nhưng không ai có giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, dù có duy trì hôn nhân của bà S và ông D về mặt pháp lý, thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại; nên xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Dương Thị Thu S được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

[3] Về con chung: xét thấy hai con chung do bà S, ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và cháu Phương có nguyện vọng sống cùng với bà S, cháu Ng có nguyện vọng được sống cùng với ông D; theo ý kiến trình bày của ông D, bà S con muốn ở với ai thì người đó nuôi. Do đó, để tạo điều kiện cho hai cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, nên giao con tên Nguyễn Ngọc Mai Ph, sinh ngày 29/6/2012 cho bà S nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Bình Ng, sinh ngày 02/11/2014 cho ông D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà S, ông D không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: bà S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24 và 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Dương Thị Thu S: bà Dương Thị Thu S được ly hôn ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Ngọc Mai Ph, sinh ngày 29/6/2012 cho bà Dương Thị Thu S tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bình Ng, sinh ngày 02/11/2014 cho ông Nguyễn Văn D tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà Dương Thị Thu S, ông Nguyễn Văn D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: bà Dương Thị Thu S phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền

tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu tiền số 0005303 ngày 25/05/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Đắk Lắk).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13,
- Phòng T.H.A DS khu vực 13;
- UBND xã Phú H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Nguyễn Ngọc Hoan